

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-PT

Ngày: 09-4-2018

V/v tranh chấp chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thiên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc: "Tranh chấp chia tài sản chung"

Do Bản án sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐ-PT ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn H

Địa chỉ: Đội 4, thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn H: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Số 44/23, đường N, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2015. Ông Nguyễn Văn H có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H1

Địa chỉ: Đội 6, thôn P, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Ông Hiền có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị N

Địa chỉ: Đội 6, thôn P, xã T, huyện D, Khánh Hòa. Bà N có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C
3. Ông Hồ Thanh H
4. Ông Hồ Thanh T
5. Ông Hồ Thanh K
6. Ông Hồ Thanh T2
7. Bà Hồ Thanh T3
8. Bà Hồ Thị Thanh P
9. Bà Hồ Thị Thanh N

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Xuân H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Văn H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1995, ông Đinh Văn H cùng ông Nguyễn Xuân H1 và ông Hồ Thanh P (chết năm 2010) cùng hợp tác khai hoang thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01 tại xã D, diện tích 21.789m². Lúc đầu khai thác, mọi người cùng trồng đậu nành; sau vụ đậu thất bại, không ai còn vốn đầu tư nên bỏ hoang đất. Năm 1999, ông H tiếp tục sản xuất trở lại và mở rộng thêm diện tích đất như ngày nay. Khi đó, mọi người có thỏa thuận miệng với nhau là ông H được sản xuất trên đất 04 năm, sau giao lại cho ông H1 sản xuất 03 năm và cuối cùng là ông P sản xuất 03 năm. Khi ông H sản xuất xong 04 năm và giao đất lại cho ông H1 thì ông H1 giữ luôn đất và không giao lại cho ông Hồ Thanh H (là con của ông Hồ Thanh P) sản xuất. Vì vậy, ông Đinh Văn H có khiếu nại tranh chấp đất đến UBND xã T và UBND huyện D. Ngày 27/8/2013, UBND huyện D đã có Quyết định số 4225/QĐ-UBND công nhận thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01 tại xã T, diện tích 21.789m² thuộc quyền sử dụng chung của các ông Đinh Văn H, Nguyễn Xuân H1 và Hồ Thanh P. Ông H1 không đồng ý với quyết định trên và đã khiếu nại đến UBND tỉnh Khánh Hòa. Ngày 19/3/2014, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 656/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân H1 và công nhận quyết định số 4225 của UBND huyện D. Sau khi nhận quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa, ông H đã liên hệ với ông H1 để cùng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định hoặc chia 03 phần làm thủ tục riêng nhưng ông H1 không đồng ý. Do vậy, ông Đinh Văn H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa đất 280, tờ bản đồ số 01 tại xã T, diện tích 21.789m² theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2015, ngày 13/6/2017 và trong quá

trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Xuân H1 trình bày:

Trước đây, thửa đất số 280, tờ bản đồ số 01 tại xã T là do ông Đoàn Ngọc T và ông Nguyễn Văn M khai hoang và cho ông H1 vào năm 1995 (có viết giấy tay vào năm 2006). Sau đó, ông H1 có thuê ông Nguyễn Minh S phát chồi khoảng 02ha. Ông H1 và ông H có làm chung một vụ đậu nành và có thỏa thuận là làm hết vụ đậu nành khoảng 01 năm thì không làm chung nữa. Sau năm đó, thửa đất bỏ hoang và không có ai trồng trọt. Năm 1996, ông Hồ Thanh P có lên xin làm chung với ông vì ông P có máy cày, nhưng ông chỉ cày được mấy đường và không làm nữa. Vào năm 1998, ông Đinh Văn H lên nhà vợ chồng ông H1 xin làm 01 mùa đậu nành rồi trả lại đất nhưng sau khi ông trồng đậu nành thì ông H lại tiếp tục trồng mía trên thửa đất đó mà vợ chồng ông H1 không hay biết. Đến khi bà N vào trong rẫy thì mới biết sự việc trên. Lúc này, ông H mới đến gặp vợ chồng ông để xin trồng mía thêm 3 năm, vợ chồng ông thấy ông H cũng khó khăn nên đồng ý cho ông H tiếp tục trồng mía trên thửa đất đó. Sau khi kết thúc 03 năm, ông H lại tiếp tục trồng mía thêm 01 năm nữa. Vì thấy mía vẫn còn tốt nên vợ chồng ông tạo điều kiện để ông H tiếp tục sản xuất thêm 01 năm. Sau 01 năm đó, ông H lại tiếp tục xin thu hoạch 01 năm mía nữa; nhìn thấy gốc mía vẫn còn có thể thu hoạch được nên vợ chồng ông đồng ý cho ông H làm thêm 01 năm. Tổng cộng, vợ chồng ông đã cho ông H trồng 01 năm đậu nành và 05 năm mía trên thửa đất đó. Sau đó, vợ chồng ông dọn dẹp, làm cỏ và trồng mía trên thửa đất tranh chấp. Làm được 03 năm thì ông Hồ Thanh P xin trồng trọt trên thửa đất đó và được vợ chồng ông đồng ý. Sau 03 năm thì vợ chồng ông lấy lại thửa đất và trồng trọt cho đến ngày nay.

Nay, ông Đinh Văn H yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất trên ông không đồng ý vì đó là đất của vợ chồng ông.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Đoàn Thị N trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Xuân H1 và không có ý kiến bổ sung.

- Tại Bản tự khai ngày 20/4/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hồ Thanh H trình bày: Thửa đất tranh chấp là của em vợ ông Nguyễn Xuân H1 cho ông H1, diện tích ban đầu khoảng 5-6 nghìn mét vuông. Sau này, ông Đinh Văn H và ông H1 khai hoang; lúc đó, ông Hồ Thanh P (cha ông Hồ Thanh H) có máy cày rồi làm ăn chung, 03 năm một người làm, không có giấy tờ gì hợp pháp hay sở hữu của riêng ai; sau đó, bỏ hoang một thời gian, ông P có làm mía trên đất. Ngoài ra, ông không biết gì khác.

Cha ông là ông Hồ Thanh P (đã chết), có vợ là bà Nguyễn Thị C và 07 người con là: Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thị Thanh P, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3, Hồ Thanh K và Hồ Thị Thanh N.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2017, bà Nguyễn Thị C trình bày: Trước đây (bà không nhớ rõ thời gian), chồng bà là Hồ Thanh P cùng ông Đinh Văn H, ông Nguyễn Xuân H1 khai phá và trồng trọt tại thửa đất số 280, tờ bản

đồ số 01 xã T, huyện D. Nay, ông Đinh Văn H yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất nói trên, bà và các con ông P xin được nhận phần của ông P trong khối tài sản chung. Ông P chết năm 2010 và có 07 người con như ông Hồ Thanh H trình bày.

- Tại Bản tự khai ngày 08/5/2017, bà Hồ Thị Thanh P và Bản tự khai ngày 27/7/2017, ông Hồ Thanh K trình bày: Bà P và ông K là con ruột của ông Hồ Thanh P (chết năm 2010) và bà Nguyễn Thị C. Ông P và bà Cộng có 07 người con như ông Hồ Thanh H trình bày. Thửa đất nguyên đơn đang tranh chấp là tài sản chung của các ông Đinh Văn H, Nguyễn Xuân H1 và ông Hồ Thanh P. Ông, mẹ ông và các anh em ông xin được nhận phần đất của ông P.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại là Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thanh K, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3 và Hồ Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã căn cứ Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn H: Thửa đất số 280 tờ bản đồ số 01 xã T, diện tích 21.789m² là tài sản chung của các ông Đinh Văn H, Hồ Thanh P và Nguyễn Xuân H1. Tài sản chung được phân chia như sau:

- Ông Đinh Văn H được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.263 m² thuộc một phần thửa 280, tờ bản đồ số 01 xã T, loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất). Vùng vị trí đánh số 1, có tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa 281 và đường đi;

+ Tây giáp thửa 251, 279;

+ Nam giáp phần đất còn lại của thửa 280;

+ Bắc giáp một phần thửa 251 và một phần thửa 281 (kèm theo bản vẽ sơ đồ thửa đất).

- Các ông bà Nguyễn Thị C, Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thanh K, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3, Hồ Thị Thanh P, Hồ Thị Thanh N được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.263 m² thuộc một phần thửa 280, tờ bản đồ số 01 xã T, loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất). Vùng vị trí đánh số 2, có tứ cận như sau:

+ Đông giáp đường đi;

+ Tây giáp thửa 279;

+ Nam giáp phần đất còn lại của thửa 280;

+ Bắc giáp phần đất chia cho ông Đinh Văn H (kèm theo bản vẽ sơ đồ thửa đất).

- Ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.263 m² thuộc một phần thửa 280, tờ bản đồ số 01 xã T, loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất). Vùng vị trí đánh số 3, có tứ cận như sau:

+ Đông giáp đường đi;

+ Tây giáp thửa 278, 279;

+ Nam giáp đường đi;

+ Bắc giáp phần đất chia cho các ông bà Nguyễn Thị C, Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thanh K, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3, Hồ Thị Thanh P, Hồ Thị Thanh N (kèm theo bản vẽ sơ đồ thửa đất).

2. Về tài sản trên đất gồm: mía, sau khi thu hoạch mía hết tháng 3 năm 2018, ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N có trách nhiệm giao đất cho các người được phân sở hữu như trên.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí đo vẽ, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/11/2017, ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn với lý do đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng riêng của vợ chồng ông bà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Liên quan đến tài sản tranh chấp là thửa đất số 280 tờ bản đồ số 24 (trước kia là thửa 280 tờ bản đồ số 01), bộ bản đồ địa chính xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa có diện tích 21.789m², loại đất RSX (đất có rừng trồng sản xuất) đã có những quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai như sau:

- Quyết định số 4225/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của các ông Đinh Văn H và Hồ Thanh P đối với ông Nguyễn Xuân H1, thửa đất tranh chấp tọa lạc tại xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; theo đó, đã công nhận thửa đất số 280 tờ bản đồ số 01 xã T, diện tích 21.789m² loại đất RSX (đất có rừng trồng sản xuất) thuộc quyền sử dụng chung của các ông Đinh Văn H, Nguyễn Xuân H1 và Hồ Thanh P.

- Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Nguyễn Xuân H1 với các hộ ông Đinh Văn H và Hồ Thanh P, thửa đất tọa lạc tại xã T, huyện D; theo đó, đã quyết định bác đơn của hộ ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 280 tờ bản đồ số 01 xã T, diện tích 21.789m² loại đất RSX (đất có rừng trồng sản xuất) tại xã T, huyện D, công nhận Quyết định số 4225/QĐ-UBND ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của các ông Đinh Văn H, Hồ Thanh P đối với ông Nguyễn Xuân H1, thửa đất tranh chấp tọa lạc tại xã T, huyện D là đúng qui định của pháp luật.

Như vậy, việc tranh chấp quyền sử dụng đất của các bên đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng chung của các ông Đinh Văn H, Nguyễn Xuân H1 và Hồ Thanh P; vợ chồng ông H1 không có ý kiến gì đối với quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Khánh Hòa.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh mình có quyền sử dụng riêng đối với đất tranh chấp. Tài liệu ông H1 cung cấp cho Tòa án để chứng minh đất này là của ông là tờ giấy viết tay của ông P đề ngày 27/02/2006 (bút lục 131), theo trình bày của ông H1 thì giấy này là do ông Phong lập và cam kết sẽ giao đất cho ông H1 toàn quyền sử dụng. Tuy nhiên, nội dung trong chính tờ giấy này thể hiện ông P đã xác định ông P đã khai phá vùng đất này để sử dụng cùng ông H và ông H1, ông H làm 5 năm, ông H1 làm 3 năm và đến ông P làm 3 năm là 3 vụ mùa kể từ tháng 4/2006 đến hết 3 vụ mùa, dứt điểm vụ mùa cuối cùng ông P sẽ giao lại cho ông H1 toàn quyền sử dụng.

[3] Qua tài liệu chứng cứ trên, lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ khác đã thu thập được từ hồ sơ giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có đủ cơ sở để xác định thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng chung của các ông Đinh Văn H, Nguyễn Xuân H1 và ông Hồ Thanh P. Yêu cầu khởi kiện của ông H về chia tài sản chung là có căn cứ.

[4] Do không xác định được phần quyền tài sản cụ thể của từng người trong khối tài sản chung nên tài sản chung được chia đều làm 03 phần. Các đương sự đều có nhu cầu nhận hiện vật và đất có thể chia bằng hiện vật nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đều đất tranh chấp làm 03 phần cho các đồng sở hữu chung là đúng. Ông Hồ Thanh P đã chết nên những người thừa kế của ông là vợ và các con ông được hưởng thừa kế phần của ông P.

[5] Về tài sản trên đất: Trên đất tranh chấp có mía vụ 3 do vợ chồng ông H trồng. Xét thấy từ năm 2014, sau khi có quyết định giải quyết tranh chấp đất của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, nguyên đơn ông Đinh Văn H đã nhiều lần yêu cầu ông H1 chia đất nhưng ông H1 không thực hiện và vẫn tiếp tục canh tác trên đất, thu lợi từ việc khai thác, sử dụng tài sản chung; hơn nữa đây đã là mía

vụ 3 nên ông H1 phải giao đất cho những người được chia đất sau khi thu hoạch mía vụ 3 mà không được nhận tiền bồi thường giá trị gốc mía sau khi thu hoạch là đúng qui định của pháp luật và ông H1 cũng không bị thiệt hại gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý cho ông H1 thu hoạch xong mía vụ 3 và giao trả đất vào tháng 5 năm 2018.

[6] Như vậy, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N không được chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chỉ miêu tả tứ cận từng phần đất được chia cho các đồng sở hữu mà không thể hiện trên sơ đồ thửa đất mốc giới cụ thể từng phần đất này là không đúng, không thể thi hành bản án được. Để khắc phục điều này, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa chỉ nhánh tại huyện D là đơn vị đo vẽ thửa đất tranh chấp xác định ranh giới cụ thể các phần đất được chia theo đúng vị trí như quyết định của bản án sơ thẩm.

[8] Ngoài ra, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, thửa đất 280 thuộc tờ bản đồ số 01 xã T mà các bên tranh chấp đã được điều chỉnh thành thửa 280 thuộc tờ bản đồ số 24 xã T, bản vẽ thửa đất kèm theo bản án cũng ghi là thửa 280 tờ bản đồ số 24 xã T nhưng trong phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm vẫn ghi là thửa 280 tờ bản đồ 01 xã T là không đúng, Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[9] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Đinh Văn H tự nguyện chịu chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm và đã đóng đủ nên Tòa án không xem xét trách nhiệm của những người được chia tài sản chung. Quyết định của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm được giữ nguyên.

[10] Những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của họ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Văn H về việc chia tài sản chung là thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24 xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, diện

tích 21.789m², loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất) cho các ông Đinh Văn H, Hồ Thanh P và Nguyễn Xuân H1.

2. Tài sản chung được phân chia như sau:

2.1. Ông Đinh Văn H được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.263m² thuộc một phần thửa 280, tờ bản đồ số 24 xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất), là phần đất được ký hiệu thửa 806 theo mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án.

2.2. Các ông, bà Nguyễn Thị C, Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thanh K, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3, Hồ Thị Thanh P và Hồ Thị Thanh N được nhận chung quyền sử dụng đất có diện tích 7.263 m² thuộc một phần thửa 280, tờ bản đồ số 24 xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất), là phần đất được ký hiệu thửa 805 theo mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án.

2.3. Ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N được nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.263 m² thuộc một phần thửa 280, tờ bản đồ số 24 xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, loại đất RST (đất có rừng trồng sản xuất) là phần đất được ký hiệu thửa 804 theo mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án.

3. Ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N có trách nhiệm giao đất cho những người được chia quyền sử dụng đất như quyết định tại mục 2.1 và 2.2 nêu trên vào tháng 5 năm 2018.

Những người được chia tài sản có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí:

4.1. Ông Đinh Văn H phải chịu 5.810.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2010/0000202 ngày 09/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, ông Đinh Văn H chỉ còn phải nộp 4.310.400 đồng.

4.2. Ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N phải chịu chung 5.810.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm và mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H1 và bà N đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018512 06/12/2017 và số AA/2016/0018511 cùng ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, mỗi biên lai 300.000đ. Như vậy, ông H và bà N chỉ còn phải nộp 5.810.400 đồng án phí.

4.3. Các ông, bà Nguyễn Thị C, Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thanh K, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3, Hồ Thị Thanh P và Hồ Thị Thanh N phải chịu chung 5.810.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nghĩa vụ thanh toán lại chi phí đo vẽ, định giá tài sản cho ông Đinh Văn H:

5.1. Ông Nguyễn Xuân H1 và bà Đoàn Thị N phải thanh toán cho ông Đinh Văn H 1.975.000 đồng (*một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

5.2. Các ông, bà Nguyễn Thị C, Hồ Thanh H, Hồ Thanh T, Hồ Thanh K, Hồ Thanh T2, Hồ Thanh T3, Hồ Thị Thanh P và Hồ Thị Thanh N phải thanh toán cho ông Đinh Văn H 1.975.000 đồng (*một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Qui định chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hiền